

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1629/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng; lưu thông hàng hóa trong nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2024/TTr-SCT ngày 13 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng; lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục:

Thủ tục có thứ tự A2.I.4, A2.I.5, A2.I.6 ban hành kèm theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Thủ tục có số thứ tự: A.2.I.1, A.2.I.2, A.2.I.3, A.2.II.1, A.2.II.2, A.2.II.3, A.2.II.4, A.2.II.5, A.2.II.6 ban hành kèm theo Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, điện, hóa chất, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định	Ghi chú
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (03 TTHC)					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh, cá nhân: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	- Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 10 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc

					sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
II Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)						
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	<p>Phí thẩm định: - Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định</p>	<p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa. - Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>	<p>- Thời gian giải quyết rút ngắn từ 10 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc</p>
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: 1.200.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000</p>		<p>Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc</p>

			<p>đồng/ điểm kinh doanh/ lần thăm định.</p> <p>Ghi chú: Việc thu phí chỉ thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.</p>		
--	--	--	--	--	--

6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa. - Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. 	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc
---	-------------------------------	---	--	-------	---	--

7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức	<p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p>	<p>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</p> <p>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.</p>	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 15 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		<p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p>	<p>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và</p>	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 15 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc

Ghi chú: Việc

				doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.	sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa. - Thông tư 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không			Thời gian giải quyết rút ngắn từ 15 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố	- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định	Thời gian giải quyết rút ngắn từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc

			<p>Thủ Đức</p> <p>định.</p> <p>- Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p>	<p>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.</p>	
11	<p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Doanh nghiệp, hợp tác xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>- Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>Ghi chú: Việc thu phí chỉ thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.</p>	<p>- Quyết định số 2454/QĐ-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh khí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.</p>	<p>Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc</p>

12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không		Thời gian giải quyết rút ngắn từ 7 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc
----	--	---	--	-------	--	--